

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 30/11/2022  
“*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC-TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Lan và bà Nguyễn Thị Phương Minh.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Huệ- Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 155/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2022, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị O**, sinh năm 1991. Đăng ký hộ khẩu: thôn P, xã X, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Hiện ở: Thôn B, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh **Tăng Minh T**, sinh năm 1991. Địa chỉ: thôn P, xã X, huyện G, tỉnh Hải Dương.

*Tại phiên toà có mặt chị O; Anh T có đơn xin vắng tại phiên toà.*

Người làm chứng:

Ông Tăng Minh A, Đăng ký hộ khẩu và cư trú: thôn P, xã X, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Ông Phạm Văn T và bà Đinh Thị Đ. Hiện ở: Thôn B, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương.

(Đều vắng mặt).

**NHẬN THẤY**

*Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn Phạm Thị O trình bày:*

Chị và anh Tăng Minh T tự nguyện tìm hiểu và được UBND xã X, huyện G đăng ký kết hôn vào ngày 04/12/2011. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách quan điểm sống không hòa hợp, cả hai thiếu tôn trọng nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thêm căng thẳng, cuộc sống không còn hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng nên tháng 10/2016 chị O đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn B, xã L, huyện G ở, kể từ đó cho đến nay vợ chồng không ở cùng nhau, sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài và không thể cải thiện được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện G giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 1 con chung là Tăng Thanh H, sinh ngày 15/6/2012, chị nhất trí để anh T nuôi con, việc anh T tự nguyện không yêu cầu chị cấp dưỡng tiền nuôi con chị đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp hai bên gia đình: chị trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

*Tại bản văn bản tình bày ý kiến, đơn xin xử vắng mặt - anh Tăng Minh*  
*Tòa trình bày:* Anh đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo của Tòa án về việc giải quyết ly hôn. Anh xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không thể đoàn tụ. Nay chị O có đơn xin ly hôn anh đồng ý. Anh đề nghị được nuôi con Tăng Thanh H, sinh ngày 15/6/2012 và tự nguyện không yêu cầu chị O cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp hai bên gia đình không có nên anh không yêu cầu giải quyết. Anh không có yêu cầu phản tố và có đơn xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa cũng như xin vắng mặt tại phiên tòa.

*Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã X và xác minh tại Công An xã X, kết quả xác minh cho thấy:* Anh Tăng Văn T và chị Phạm Thị O có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X ngày 04/12/2011. Sau khi kết hôn, anh chị đã đều ở xã X sinh được 1 con chung là Tăng Thanh H, sinh ngày 15/6/2012. Đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng anh T không còn chung sống cùng nhau. Lý do vì sao thì địa phương không nắm được. Nay chị O xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm như đã trình bày. Bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc phát biểu quan điểm:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51; 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và

lệ phí Tòa án. Đề nghị: Quan hệ hôn nhân: **xử chị Phạm Thị O và Tăng Minh T ly hôn; Về con chung: giao cháu** Tăng Thanh H, sinh ngày 15/6/2012 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên; anh T tự nguyện không yêu cầu chị O cấp dưỡng tiền nuôi con; Án phí: chị O phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. **Về tố tụng:** Chị Phạm Thị O có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện G giải quyết việc hôn nhân với anh Tăng Minh T cư trú tại thôn P, xã X, huyện G; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

### [2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị O và anh Tăng Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện G, tỉnh Hải Dương, do vậy hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Tuy nhiên anh, chị chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Thực tế từ năm 2016 anh, chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau. Nay chị O có đơn xin ly hôn anh T cũng đồng ý. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa chị O và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị O.

- *Về quan hệ con chung:* Chị O và anh T có 1 con chung là Tăng Thanh H, sinh ngày 15/6/2012. Ly hôn anh, chị thống nhất giao cháu H cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu H thành niên, chị O không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy anh chị thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, đồng thời phù hợp điều kiện hiện tại của anh T và cháu H, do vậy có căn cứ chấp nhận.

- *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình:* Chị O và anh T đều xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] **Về án phí:** Chị O phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị O;

**Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Phạm Thị O ly hôn anh Tăng Minh T.

**Về quan hệ con chung:** Giao cháu Tăng Thanh H, sinh ngày 15/6/2012 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên hoặc khi chị O và anh T có yêu cầu khác. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị O cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh T.

**Về án phí:** Chị Phạm Thị O phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị O đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0000744 ngày 14/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Chị O đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

**Về quyền kháng cáo:** Chị O có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Gia Lộc
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc
- Đương sự;
- UBND xã X để ghi vào sổ hộ tịch (Đăng kết hôn năm 2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thắm**